

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BUÔN HỒ  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **56/2020/DS-ST**

Ngày: 30/9/2020

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Anh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hoàng Vạn Sinh và bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Thiệu Sỹ Vững – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa:* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2020/TLST-DS ngày 25/02/2020 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2020/QĐXXST-DS ngày 14/9/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lâm Văn P, bà Phù Thị H (Có mặt)

Địa chỉ: Số 299 G, thị trấn Ph, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hoàng Văn L (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn 8, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Lê Hữu Đ, bà Nguyễn Thị X (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 12 Đ, tổ dân phố C, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk;

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Tô Tiến D (Vắng mặt)

Địa chỉ: 55 M, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Hoàng Văn L trình bày:**

Do là chỗ quen biết, làm ăn với nhau nên vào ngày 08/7/2019, vợ chồng ông Lâm Văn P, bà Phù Thị H có cho vợ chồng ông Lê Hữu Đ, bà Nguyễn Thị X vay số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), lãi suất do hai bên tự thỏa thuận, thời hạn vay

là 60 ngày. Để tin tưởng lẫn nhau nên khi vay hai bên có đến Phòng công chứng số 2 thuộc Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk để thực hiện “Hợp đồng vay tiền”, có công chứng, chứng thực.

Ngày 23/7/2019, bà Nguyễn Thị X đến nhà ông Lâm Văn P, bà Phù Thị H để tiếp tục vay vợ chồng ông P, bà H số tiền 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng), lãi suất do hai bên tự thỏa thuận, thời hạn vay là đến ngày 05/8/2019. Khi vay thì hai bên có lập “Giấy mượn tiền”. Để bảo đảm cho khoản vay, bà X có thể chấp cho vợ chồng ông P, bà H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có diện tích 1.797,7m<sup>2</sup>, mang tên ông Lê Văn T và bà Phạm Thị Hồng L’. Từ khi vay số tiền trên thì bà X chỉ mới trả được cho vợ chồng ông P, bà H 30 ngày tiền lãi (từ ngày 23/7/2019 đến ngày 23/8/2019) là 4.900.000 đồng.

Đến khoảng đầu tháng 8 năm 2019, do cùng là chỗ quen biết, làm ăn nên vợ chồng ông P, bà H và ông Đ, bà X có cùng nhau góp vốn để mua chung 01 thửa đất. Vì vậy, vợ chồng ông P, bà H có chuyển khoản qua ngân hàng BIDV cho ông Đ, bà X số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) để đặt cọc cho chủ đất. Tuy nhiên, quá trình mua bán đất không thành công nên hiện nay ông Đ, bà X vẫn giữ của vợ chồng ông P, bà X số tiền 300.000.000 đồng. Việc ông Đ, bà X nhận tiền trên đã được ông, bà thừa nhận thông qua “Giấy nhận tiền đặt cọc”, ngày 05/8/2019 giữa ông Lê Hữu Đ và ông Nguyễn Đình Tr và “Biên bản lấy lời khai” tại Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Đến ngày 21/8/2019, vợ chồng ông P, bà H lại tiếp tục cho bà Nguyễn Thị X vay số tiền 470.000.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi triệu đồng), lãi suất do hai bên tự thỏa thuận. Do số tiền đó không đủ để thực hiện việc cần làm nên bà X vay tiếp số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), lãi suất do hai bên tự thỏa thuận. Khi vay số tiền trên thì các bên thống nhất thời hạn trả là ngày 26/8/2019. Để tin tưởng nhau, bà X đã viết cho vợ chồng ông P, bà H 01 giấy mượn tiền. Từ khi vay 03 khoản tiền trên và chuyển khoản qua ngân hàng BIDV thì ông Lê Hữu Đ, bà Nguyễn Thị X chỉ mới trả cho vợ chồng ông P, bà H 30 ngày tiền lãi của khoản tiền vay 370.000.000 đồng. Ngoài ra, thì ông Đ, bà X vẫn chưa thanh toán cho vợ chồng ông P, bà H bất cứ khoản tiền gốc và lãi nào cả dù vợ chồng ông P, bà H đã nhiều lần yêu cầu ông bà trả toàn bộ số tiền trên.

Nhận thấy, việc ông Lê Hữu Đ, bà Nguyễn Thị X không trả nợ cho ông P, bà H theo thời hạn thỏa thuận đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông P, bà H. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho vợ chồng ông P, bà H, ông P và bà H đã làm đơn khởi kiện ông Lê Hữu Đ, bà Nguyễn Thị X gửi đến Quý tòa để đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ giải quyết, buộc ông Lê Hữu Đ, bà Nguyễn Thị X phải trả cho vợ chồng ông P, bà H tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 1.934.682.000 đồng (Một tỷ chín trăm ba mươi tư triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Trong đó nợ gốc là: 1.840.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm bốn mươi triệu đồng) và lãi suất tạm tính như sau:

- Đối với khoản tiền 600.000.000 đồng vay ngày 08/07/2019 đến ngày 11/02/2020 là: 600.000.000 đồng x 10%/năm x 7 tháng 3 ngày = 35.500.000 đồng (Ba mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

- Đối với khoản tiền 370.000.000 đồng vay ngày 23/07/2019 đến ngày 11/02/2020 là:  $370.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 05 \text{ tháng} 18 \text{ ngày}$  (6 tháng 18 ngày trừ đi 01 tháng đã trả lãi là 4.900.000 đồng) = 15.368.600 đồng (Mười lăm triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn, sáu trăm đồng).

- Đối với khoản tiền 300.000.000 đồng vay tháng 08/2019 đến ngày 11/02/2020 là:  $300.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 6 \text{ tháng}$  = 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

- Đối với khoản tiền 570.000.000 đồng vay ngày 21/08/2019 đến ngày 11/02/2020 là:  $570.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 5 \text{ tháng} 20 \text{ ngày}$  = 26.916.000 đồng (Hai mươi sáu triệu chín trăm mười sáu đồng).

Tổng cộng các khoản lãi là: 92.784.600 đồng (Chín mươi hai triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn, sáu trăm đồng).

Vậy tôi đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ giải quyết buộc ông Lê Hữu Đ, bà Nguyễn Thị X trả cho vợ chồng ông P, bà H tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 1.932.784.600 đồng (Một tỷ chín trăm ba mươi hai triệu, bảy trăm tám mươi tư nghìn, sáu trăm đồng).

**- Bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:**

Tôi xác nhận có khoản vay ngày 23/7/2019 có vay bà H số tiền 370.000.000 đồng, tôi có thể chấp 01 bìa đỏ đến nay vẫn chưa trả được. Ngày 21/8/2019 tôi có vay 470.000.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi triệu đồng), sau lấy thêm 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và sau khoảng 05 ngày tôi có chuyển khoản cho bà Phù Thị H số tiền 350.000.000 đồng, số còn lại tôi chưa trả được.

Đối với khoản vay 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) vào ngày 08/8/2019 tôi và ông Lê Hữu Đ có vay của bà H, được công chứng, chứng thực tại Phòng công chứng số 02 và tôi đã hoàn trả số tiền này.

Bà Phù Thị H có đưa cho tôi 300.000.000 đồng để đi đặt cọc mua đất và hẹn 15 ngày sẽ lo đủ số tiền còn lại để chồng đủ tiền mua đất nhưng quá hạn không lo đủ tiền nên bên chủ đất đã bán cho người khác. Tôi có nhận của bà H 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và chưa hoàn trả lại cho bà H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Vào ngày 14/9/2020 Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng

đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

**[3] Về nội dung tranh chấp:** Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, và phần trình bày của bị đơn Hội đồng xét xử xét thấy:

Vào ngày 08/7/2019, vợ chồng ông Lâm Văn P, bà Phù Thị H có cho vợ chồng ông Lê Hữu Đ, bà Nguyễn Thị X vay số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) khi vay hai bên lập “Hợp đồng vay tiền” và được Văn phòng công chứng số 02 công chứng, chứng thực; ngày 23/7/2019, bà Nguyễn Thị X có vay của ông Lâm Văn P, bà Phù Thị H số tiền 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng), hai bên có lập giấy mượn tiền và được bà Nguyễn Thị X ký tên dưới mục người vay; Ngày 05/8/2019 bà Phù Thị H, ông Lâm Văn P chuyển cho ông Lê Hữu Đ, bà Nguyễn Thị X số tiền đặt cọc đất là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) theo giấy đặt cọc ngày 05/8/2019 và được ông Đ, bà X xác nhận tiền đặt cọc của ông P, bà H; ngày 21/8/2019 bà X vay tiếp của ông P, bà H số tiền 470.000.000 đồng và lấy thêm 100.000.000 đồng và lập 01 giấy mượn tiền được bà Nguyễn Thị X ký dưới mục mượn tiền; tất cả các lần vay lãi suất do hai bên tự thỏa thuận. Tất cả các lần vay bị đơn bà Nguyễn Thị X đều thừa nhận có vay các khoản vay này, tuy nhiên bà X cho rằng đã trả xong số tiền 600.000.000 đồng cho ông P, bà H của khoản vay lập ngày 08/7/2019 và chuyển khoản cho bà H, ông P số tiền 350.000.000 đồng của khoản vay lập ngày 21/8/2019.

HĐXX xét thấy đối với khoản vay 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) vào ngày 08/7/2019 và khoản tiền mượn đặt cọc mua đất là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) vào ngày 05/8/2019 thì hai khoản tiền này đều có chữ ký của ông Lê Hữu Đ ký vào dưới mục vay tiền và dưới mục xác nhận tiền đặt cọc đất và được bà Nguyễn Thị X thừa nhận hai khoản vay này, đây là tình tiết rõ ràng được các bên thừa nhận nên là sự kiện không phải chứng minh. Bà X cho rằng đã trả xong số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) nhưng không có văn bản gì chứng minh cho việc trả tiền của bà X, ông Đ. Mặt khác phía nguyên đơn không thừa nhận là bà X, ông Đ đã trả khoản tiền gốc và lãi của số tiền vay này. Do đó HĐXX xét thấy bà X vẫn chưa trả số tiền vay 600.000.000 đồng cho bà H, ông P. Việc ông P, bà H xác lập các hợp đồng vay tài sản giữa các bên hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên đây là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên cho vay tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 463 Bộ luật dân sự, nhưng bà X, ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó bà H, ông P khởi kiện đòi ông Đ, bà X số tiền 600.000.000 đồng và số tiền mượn đặt cọc đất 300.000.000 đồng là có cơ sở cần chấp nhận.

Đối với khoản vay số tiền 370.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng) lập ngày 23/7/2019 và khoản tiền vay 570.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi triệu đồng) lập ngày 21/8/2019 đều được bị đơn bà Nguyễn Thị X thừa nhận hai khoản vay này, đây là tình tiết rõ ràng được các bên thừa nhận nên là sự kiện không phải chứng minh. Tuy nhiên hai khoản vay này dưới mục người vay tiền đều do bà Nguyễn Thị X ký tên không có chữ ký của ông Lê Hữu Đ do đó HĐXX xét thấy ông P, bà H khởi kiện đòi ông Đ, bà X hai khoản nợ trên là chưa có cơ sở, bởi lẽ khi vay tiền các bên thừa nhận chỉ có một mình bà X ký tên dưới mục vay tiền, ông P, bà H không chứng minh được

là mục đích bà X sử dụng tiền vay vào nhu cầu trong gia đình do đó chỉ buộc bà Nguyễn Thị X trả hai khoản nợ trên là phù hợp. Đối với việc bà Nguyễn Thị X cho rằng đã chuyển khoản số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), tại buổi làm việc ở Tòa án bà X cam kết sẽ cung cấp chứng cứ cho việc chuyển khoản số tiền 350.000.000 đồng cho bà Phù Thị H nhưng sau buổi làm việc bà X không lên Tòa án làm việc mặc dù đã triệu tập hợp lệ nhiều lần và cũng không cung cấp được chứng cứ, chứng minh cho việc bà X chuyển tiền cho bà H. Mặt khác bà H, ông P cũng không thừa nhận bà X đã chuyển trả được số tiền 350.000.000 đồng nên bà X cho rằng đã chuyển trả cho bà H số tiền 350.000.000 đồng là không có cơ sở. Do đó bà X đã vi phạm nghĩa vụ bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó HĐXX xác định bà Nguyễn Thị X phải có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc chưa thanh toán của hai khoản vay là 940.000.000 đồng (Chín trăm bốn mươi triệu đồng) là phù hợp.

Đối với khoản lãi của các khoản vay Hội đồng xét xử xét thấy các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất nên nguyên đơn xác định lãi suất là 10%/ năm là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cụ thể:

- Đối với khoản tiền 600.000.000 đồng vay ngày 08/07/2019 đến ngày 11/02/2020 là:  $600.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 7 \text{ tháng } 3 \text{ ngày} = 35.500.000 \text{ đồng}$  (Ba mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

- Đối với khoản tiền 370.000.000 đồng vay ngày 23/07/2019 đến ngày 11/02/2020 là:  $370.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 05 \text{ tháng } 18 \text{ ngày}$  (6 tháng 18 ngày trừ đi 01 tháng đã trả lãi là 4.900.000 đồng) = 15.368.600 đồng (Mười lăm triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn, sáu trăm đồng).

- Đối với khoản tiền 300.000.000 đồng vay tháng 08/2019 đến ngày 11/02/2020 là:  $300.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 6 \text{ tháng} = 15.000.000 \text{ đồng}$  (Mười lăm triệu đồng).

- Đối với khoản tiền 570.000.000 đồng vay ngày 21/08/2019 đến ngày 11/02/2020 là:  $570.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 5 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} = 26.916.000 \text{ đồng}$  (Hai mươi sáu triệu chín trăm mười sáu đồng).

Như vậy ông Lê Hữu Đ, bà Nguyễn Thị X phải có trách nhiệm trả cho ông Lâm Văn P, bà Phù Thị H tổng số tiền gốc và lãi là: 950.500.000 đồng (Chín trăm năm mươi triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó tiền gốc là 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) và lãi là 50.500.000 đồng (Năm mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị X phải có trách nhiệm trả cho ông Lâm Văn P, bà Phù Thị H tổng số tiền gốc và lãi là: 982.284.600 đồng (Chín trăm tám mươi hai triệu, hai trăm tám mươi bốn nghìn, sáu trăm đồng). Trong đó tiền gốc là 940.000.000 đồng (Chín trăm bốn mươi triệu đồng) và lãi là 42.284.600 đồng (Bốn mươi hai triệu, hai trăm tám mươi bốn nghìn, sáu trăm đồng).

[4] Xét 01 Giấy chứng nhận QSD đất số BQ 830855 đối với thửa đất số 4, tờ bản đồ số 76, diện tích 1.797,7 m<sup>2</sup> tọa lạc tại Buôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk được UBND huyện K cấp ngày 09/10/2018 cho ông Lê Văn T, bà Phạm Thị Hồng L'. Bà Nguyễn Thị X giao bản chính Giấy chứng nhận QSD đất cho bà Phù Thị H giữ để làm

tin. Xét bà H không phải là cá nhân, tổ chức không có chức năng cầm cố, nhận thế chấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Vì vậy, nguyên đơn phải có trách nhiệm hoàn trả lại bản chính Giấy chứng nhận QSD đất cho bị đơn.

[5] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị X, ông Lê Hữu Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 161, Điều 162, Điều 205, Điều 207, Điều 208, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Lê Hữu Đ, bà Nguyễn Thị X phải có trách nhiệm trả cho ông Lâm Văn P, bà Phù Thị H tổng số tiền gốc và lãi là: 950.500.000 đồng (Chín trăm năm mươi triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó tiền gốc là 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) và lãi là 50.500.000 đồng (Năm mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị X phải có trách nhiệm trả cho ông Lâm Văn P, bà Phù Thị H tổng số tiền gốc và lãi là: 982.284.600 đồng (Chín trăm tám mươi hai triệu, hai trăm tám mươi bốn nghìn, sáu trăm đồng). Trong đó tiền gốc là 940.000.000 đồng (Chín trăm bốn mươi triệu đồng) và lãi là 42.284.600 đồng (Bốn mươi hai triệu, hai trăm tám mươi bốn nghìn, sáu trăm đồng).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

#### **2. Về án phí:**

Bị đơn ông Lê Hữu Đ, bà Nguyễn Thị X phải chịu 40.515.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm ( $36.000.000 + 150.500.000 \text{ đồng} \times 3\% = 40.515.000 \text{ đồng}$ );

Bị đơn bà Nguyễn Thị X phải chịu 41.468.538 đồng án phí Dân sự sơ thẩm ( $36.000.000 + 182.284.600 \text{ đồng} \times 3\% = 41.468.538 \text{ đồng}$ );

Hoàn trả cho ông Lâm Văn P, bà Phù Thị H số tiền 35.020.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0004816 ngày 25/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã B.

Báo cho nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tx Buôn Hồ;
- Chi cục THADS tx Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Cao Anh Tuấn**